**Số: 6147458**

| | Kia New Carnival 1.6T HEV Signature 7S (hàng ghế 2 VIP) | Kia New Carnival 1.6T HEV Signature 7S |
|---|---|---|
| **Giá niêm yết:** | **1.799.000.000đ** | **1.719.000.000đ** |
| **KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:** | | |
| Kích thước tổng thể (mm) | 5155 x 2010 x 1775 | 5155 x 2010 x 1775 |
| Chiều dài cơ sở (mm) | 3090 | 3090 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm) | 5800 | 5800 |
| Khoảng sáng gầm xe (mm) | 172 | 172 |
| Thể tích khoang hành lý (L) | 1139 - 2460 | 1139 - 2460 |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L) | 72 | 72 |
| Số chỗ ngồi | 7 | 7 |
| Nguồn gốc | SX-LR trong nước | SX-LR trong nước |
| **DẪN ĐỘNG - KHUNG GẦM:** | | |
| Loại động cơ | SmartStream 1.6 Turbo Hybrid | SmartStream 1.6 Turbo Hybrid |
| Công suất cực đại (hp @ rpm) | 242 Hp | 242 Hp |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm) | 367 Nm | 367 Nm |
| Hộp số | 6AT | 6AT |
| Hệ thống dẫn động | Cầu trước (FWD) | Cầu trước (FWD) |
| Hệ thống treo trước | Mc Pherson | Mc Pherson |
| Hệ thống treo sau | Liên kết đa điểm | Liên kết đa điểm |
| Hệ thống phanh trước | Đĩa thông gió | Đĩa thông gió |
| Hệ thống phanh sau | Đĩa đặc | Đĩa đặc |
| Thông số lốp xe | 235/55 R19 | 235/55 R19 |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km) | 4.95 | 4.95 |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 6.06 | 6.06 |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km) | 5.65 | 5.65 |
| Chế độ lái | Normal/Eco/Sport/Smart | Normal/Eco/Sport/Smart |
| **NGOẠI THẤT:** | | |
| Cụm đèn trước | LED Projector | LED Projector |
| Đèn trước tự động bật/tắt | ● | ● |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần | ● | ● |
| Đèn ban ngày LED | LED | LED |
| Đèn sương mù | LED | LED |
| Cụm đèn sau | LED | LED |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | ● | ● |
| Gạt mưa tự động | ● | ● |
| Cửa sổ trời | ● | ● |
| Trang bị khác | Bệ bước chân, Cửa hông trượt điện | Bệ bước chân, Cửa hông trượt điện |
| **NỘI THẤT - TIỆN NGHI:** | | |
| Vô lăng bọc da | ● + sưởi | ● + sưởi |
| Chất liệu ghế | Da | Da |
| Ghế người lái chỉnh điện | ● | ● |
| Ghế người lái có nhớ vị trí | ● | ● |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ● | ● |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát | ● | ● |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi | ● | ● |

| | | |
|---|---|---|
| Kính cửa sổ chỉnh điện | ● | ● |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin | 12.3 | 12.3" |
| Màn hình giải trí trung tâm | 12.3 | 12.3" |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | Không dây | Không dây |
| Hệ thống điều hòa tự động | ● | ● |
| Số vùng khí hậu điều hòa | 3 | 3 |
| Cửa gió cho hàng ghế sau | Hàng 2 và 3 | Hàng 2 và 3 |
| Chìa khóa thông minh | ● | ● |
| Khởi động nút bấm | ● | ● |
| Khởi động từ xa | ● | ● |
| Hệ thống âm thanh | 12 loa Bose | 12 loa Bose |
| Lẫy chuyển số | ● | ● |
| Sạc không dây Qi | ● | ● |
| Phanh đỗ điện tử | ● | ● |
| Giữ phanh tự động Autohold | ● | ● |
| Đèn trang trí nội thất | ● | ● |
| Rèm che nắng | ● (hàng 2 và 3) | ● (hàng 2 và 3) |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX | ● | ● |
| **AN TOÀN:** | | |
| Số túi khí | 8 | 8 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS | ● | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS | ● | ● |
| Hệ thống cân bằng điện tử | ● | ● |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ● | ● |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm | ● | ● |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe | Trước, sau, bên hông | Trước, sau, bên hông |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động | ● | ● |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp | ● | ● |
| Camera lùi | Camera 360 | Camera 360 |
| Khác | Cảnh báo & hỗ trợ tránh va chạm phía trước (FCA 2.0) | Cảnh báo & hỗ trợ tránh va chạm phía trước (FCA 2.0) |